

ĐỀ THI TIẾNG ANH CHO GIAI ĐOẠN CƠ SỞ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN, ĐHQG HÀ NỘI - NHỮNG THAY ĐỔI TÍCH CỰC

Phạm Thị Thủy

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia Hà Nội

Như chúng ta đã biết, nhu cầu học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng của sinh viên trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội ngày nay đã thay đổi rất nhiều so với trước. Nếu như trước kia mục đích giảng dạy tiếng Anh là trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ Anh để họ có thể đọc và dịch tài liệu chuyên ngành ra tiếng Việt và ngược lại, thì ngày nay sinh viên, do nhu cầu đòi hỏi của xã hội, khi ra trường ngoài việc nắm vững các dạng thức của ngôn ngữ ra, còn cần phải có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh nữa. Để đáp ứng nhu cầu của xã hội và nguyện vọng của sinh viên trong trường, chương trình giảng dạy tiếng Anh ở trường Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội đã không ngừng được cải tiến: cả bốn kỹ năng đọc, nghe, nói, viết đều đã được chú trọng, trong đó kỹ năng Đọc được chú trọng hơn. Các giáo trình tiếng Anh mới biên soạn theo phương pháp giảng dạy ngoại ngữ hiện đại đã được đưa vào giảng dạy. Các tài liệu bổ trợ và giáo trình chuyên ngành đã và đang được biên soạn. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy cũng được thay đổi nhiều: phương pháp ngữ pháp-dịch đã được thay thế bằng phương pháp dạy giao tiếp hoặc bằng sự kết hợp của các phương pháp, tùy theo trình độ của sinh viên và số sinh viên trong mỗi lớp.

Ngoại ngữ là môn học có những đặc thù riêng của nó: việc dạy cả bốn kỹ năng phải tiến hành đồng thời. Và kết quả học tập của môn ngoại ngữ cũng giống như các môn học khác, được đánh giá qua các bài thi giữa kỳ và cuối kỳ. Vì vậy, các bài thi này là rất quan trọng.

Kết quả thi môn Ngoại ngữ cung cấp thông tin cho chúng ta về việc học và dạy trên lớp và về mức độ hiệu quả của chương trình ngoại ngữ. Ngoài ra, các kỳ thi còn cho biết là ngữ liệu dạy trên lớp có thích hợp với sinh viên hay không. Hơn nữa, điểm của bài thi có ảnh hưởng trực tiếp đến sinh viên (có được học bổng hay không, có được miễn học hay không, có tốt nghiệp không, có bị thi lại hay không, v.v...).

Tóm lại, do đặc thù của việc giảng dạy ngoại ngữ, việc thi cử có ảnh hưởng lớn đến việc học và dạy, đến giáo viên và sinh viên cũng như chương trình giảng dạy. Ảnh hưởng này có thể tích cực hoặc tiêu cực. Các tài liệu nghiên cứu gần đây và thực tế giảng dạy tiếng Anh trong những năm qua đã cho thấy rằng: các bài thi có tác động tích cực khi chúng phù hợp với mục đích và nội dung giảng dạy của khóa học, tức là khi các bài thi này kiểm tra những kiến thức, kỹ năng và ngữ liệu được đưa ra trong chương trình và được dạy trên lớp. Ngược lại, các bài thi sẽ có ảnh hưởng tiêu cực khi mục đích, nội dung giảng dạy và bài thi không ăn nhập với nhau. Khi mà “dạy một đằng thi một nẻo” thì việc dạy và học trên lớp sẽ chỉ chú trọng đến những kiến thức và kỹ năng được kiểm tra, và phần nào không được kiểm tra thì sẽ không được chú ý.

Trong những năm qua, cùng với những thay đổi về chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy, việc kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh của sinh viên ở trường Đại học KHXH & NV đã có rất nhiều đổi mới. Nếu như trước kia sinh viên ở giai đoạn cơ sở sau mỗi học kỳ thường chỉ làm một bài thi đọc-viết tổng hợp thì trong mấy năm gần đây sinh viên các khoa thuộc nhóm ngành 7 đã có kỳ thi vấn đáp bắt buộc. Nội dung của bài thi đọc - viết cũng đã được đổi mới rất nhiều nhằm đánh giá trình độ của sinh viên được đầy đủ hơn. Nếu như trước kia trong phần đọc (của bài thi đọc - viết tổng hợp) thí sinh chỉ phải trả lời các câu hỏi đọc hiểu, thì bây giờ ngoài phần trả lời các câu hỏi đọc hiểu ra, sinh viên còn phải làm thêm các bài tập kiểm tra các kỹ năng đọc khác như là: câu hỏi suy luận, câu hỏi về từ vựng dựa trên ngữ cảnh của đoạn văn v.v... Trong phần viết cũng vậy, các bài thi cũ mới chỉ dừng lại ở mức độ kiểm tra kỹ năng viết có hướng dẫn (Guided Writing), các bài thi trong mấy năm gần đây đã yêu cầu sinh viên tự viết một đoạn văn theo một chủ đề cho trước.

Có thể thấy rằng chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, cũng như việc kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh của sinh viên ở giai đoạn cơ sở nói riêng, và trong trường Đại học KHXH & NV nói chung, đã được đổi mới rất nhiều.

Do các bài thi tiếng Anh có tầm quan trọng như vậy, một vấn đề đặt ra ở đây là: nếu như mục đích giảng dạy ngoại ngữ của chúng ta là giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết, thì liệu việc kiểm tra đánh giá trình độ tiếng Anh của sinh viên đã được đầy đủ chưa? đã khuyến khích được sinh viên học tập để phát triển các kỹ năng đó chưa? Tất nhiên, mục đích của các bài thi giữa kỳ và cuối kỳ (achievement tests) là nhằm đánh giá trình độ tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng của sinh viên sau mỗi kỳ học tập, nên các đề thi phải sát với chương trình học, và tùy theo học phần mà có những dạng bài kiểm tra cho phù hợp. Có lẽ, cái điều mà mọi giáo viên ra đề đều băn khoăn là làm thế nào để đánh giá được trình độ của sinh viên một cách tốt nhất, đầy đủ nhất. Trong 4 kỹ năng được nêu ra ở trên thì kỹ năng đọc và viết là quan trọng hơn hai kỹ năng nghe và nói (đối với sinh viên các khoa trong trường). Và trong điều kiện khi mà thi nghe chưa tổ chức được, và thi nói mới tổ chức được cho sinh viên nhóm ngành 7, thì việc kiểm tra đọc và viết lại càng quan trọng hơn.

Trước khi phân tích cấu trúc của một đề thi tiếng Anh cho giai đoạn cơ sở ở trường Đại học KHXH & NV trong mấy năm gần đây, chúng ta cần phân biệt hai khái niệm trong khi học ngoại ngữ: competence (sự thông thạo) và performance (sự thể hiện kỹ năng). Theo Weir (1990:9), competence sự thông thạo về ngôn ngữ là “cái mà người học biết về dạng thức của ngôn ngữ và về cách sử dụng những dạng thức ấy trong ngữ cảnh thích hợp”, còn performance là “sự thể hiện phần kiến thức này trong tình huống giao tiếp có ý nghĩa”.

Xin được lấy đề thi tiếng Anh cho học phần 2, giai đoạn 1 (năm học 2000 - 2001) làm ví dụ. Đề thi gồm 2 phần chính: Paper 1 - Reading (gồm các phần nhỏ: Section A - Multiple-choice Questions, Section B - Reading Comprehension, Section C - Error Identification, Section D - Gap Filling), và Paper 2 - Writing (gồm các phần nhỏ: Section A - Sentence Building, Section B - Sentence Transformation, và Section C - Paragraph Writing) (xem Phụ lục 1). Nhìn vào cấu trúc đề thi có thể thấy rằng dạng bài đưa ra kiểm tra rất đa dạng và sát

với chương trình học trên lớp. Song nếu xem xét kỹ thì sẽ thấy một số điểm cần phải thay đổi. Một là, việc chia bài thi ra làm hai phần là chưa hợp lý, vì có những bài nằm trong phần đọc và phần viết nhưng lại không kiểm tra kỹ năng đọc và viết trực tiếp. Hai là, thang điểm cho các phần chưa hợp lý: Section C (Paper 2) đánh giá kỹ năng viết chính xác nhất chỉ được 5/100 points (tức là 1/20 tổng điểm cả bài), các phần nhỏ kiểm tra kiến thức từ vựng và ngữ pháp: Multiple-choice Questions, Error Identification, Gap Filling, và Sentence Building được cho quá nhiều điểm (tổng cộng là 55/100 points).

Các tài liệu nghiên cứu về lĩnh vực kiểm tra đánh giá trình độ thông thạo ngoại ngữ đã chỉ ra rằng để đánh giá bốn kỹ năng được chính xác thì các dạng bài kiểm tra kỹ năng trực tiếp nên được mang ra sử dụng. Nếu ai đó cho rằng có thể đánh giá trình độ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của học viên chỉ thông qua việc kiểm tra kiến thức từ vựng và ngữ pháp của học viên đó thì hoàn toàn sai lầm. Như đã nói đến ở trên, vốn kiến thức về từ vựng và ngữ pháp mới chỉ là phần nền tảng để phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, mới chỉ là “language competence”. Còn muốn đánh giá kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thì phải xem học viên đó dùng kiến thức về từ vựng và ngữ pháp đó trong ngữ cảnh không được tập dượt trước như thế nào. Có không ít các học viên nắm rất vững các quy tắc ngữ pháp, song lại không thể hiện được vốn kiến thức ấy trong khi nói và viết.

Đã đành rằng Bài thi Tiếng Anh cuối kỳ là bài kiểm tra kiến thức sinh viên thu nhận được sau mỗi học kỳ, cho nên phải sát với chương trình học. Song không phải vì thế mà coi nhẹ các dạng bài kiểm tra kỹ năng đọc và viết trực tiếp. Hơn nữa, nhà nghiên cứu Hamp-Lyons (1991:7/11) đã chỉ ra rằng “việc viết không giống như việc biết các quy tắc ngữ pháp” và “quá trình viết không phải là tổng thể của “mảnh nhỏ ghép lại/ “the sum of many separate “bits”, và chất lượng của một bài viết được đánh giá dựa trên cơ sở xem xét cách thức các yếu tố này [ngữ pháp và từ vựng] được kết hợp với nhau như thế nào để có nghĩa/ the quality of a piece of writing is judged on the basis of how all these elements “are put together for meaningful purposes”. Các nhà nghiên cứu khác cũng cho rằng cách kiểm tra kỹ năng viết tốt nhất là “yêu cầu người học viết một bài” (Hughes, 1989: 75), v.v...

Thêm vào đó, phương pháp giảng dạy đang được áp dụng rộng rãi là dạy giao tiếp, và phương pháp này chú trọng đến “fluency” (sự lưu loát) hơn là “accuracy” (sự chính xác) trong ngôn ngữ. Và nếu như bài thi quá chú trọng đến đánh giá sự chính xác trong sử dụng ngôn ngữ thì liệu có hợp lý không?

Dựa trên các tài liệu nghiên cứu mới nhất về lĩnh vực kiểm tra đánh giá trình độ ngoại ngữ và xuất phát từ thực tế giảng dạy tiếng Anh ở trường Đại học KHXH & NV, tác giả của báo cáo này, qua tham khảo ý kiến của các đồng nghiệp, đã thực hiện đề tài nghiên cứu và đưa ra một số đề nghị nhằm đánh giá trình độ đọc - viết tiếng Anh được đầy đủ hơn, và đồng thời nhằm khuyến khích sinh viên phát triển các kỹ năng đọc và viết tốt hơn (xem Phụ lục 2). Trong khuôn khổ của bài báo này, chỉ xin nêu ra một số điểm chính như sau:

Chia bài test ra làm 3 phần: Paper 1 - Vocabulary and Grammar, Paper 2 - Reading và Paper 3 – Writing.

Sắp xếp lại các bài trong từng phần theo kỹ năng được kiểm tra (xem Phụ lục 2).

Tăng điểm cho phần đọc và phần viết: với thang điểm mới phần 1 - Từ vựng và Ngữ pháp: 30/100 points, phần 2 - Đọc: 40/100 points, phần 3 - Viết: 30/100 points. Trong đó, bài kiểm tra kỹ năng viết trực tiếp được tăng lên là 20/100 points, tức là gấp bốn lần so với bài thi năm 2000-2001.

Độ dài bài khoá trong phần đọc được đề nghị tăng lên từ 200 từ lên đến 300 - 400 từ, và độ dài đoạn văn mà sinh viên phải viết trong phần viết cũng được tăng lên từ 80 từ lên thành 120 - 150 từ, đồng thời giảm số lượng câu trong bài thi từ 60 xuống còn 50.

Còn rất nhiều vấn đề cần phải bàn về việc ra đề thi: ví dụ như để đảm bảo tính công bằng của bài thi, việc chấm phần đọc và phần viết còn phải xem xét cụ thể hơn, hoặc là mức độ khó của bài khoá trong phần đọc cũng cần phải xem xét thêm, v. v. ...

Xong thiết nghĩ bài báo này cũng góp một phần nhỏ vào việc cải tiến đề thi tiếng Anh để có thể đánh giá kỹ năng đọc và viết được tốt hơn, đồng thời có thể khuyến khích sinh viên học tập trên lớp cũng như ở nhà để nâng cao các kỹ năng này. Hi vọng rằng những đề nghị sửa đổi đề thi đọc - viết cho học phần 2, giai đoạn cơ sở, trên đây sẽ

làm tiền đề cho những thay đổi tích cực trong việc ra đề thi cho các học phần khác trong chương trình giảng dạy tiếng Anh ở Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Hamp-Lyons, L. (1991), "Basic Concepts". In Hamp-Lyons, L. (Ed), *Assessing Second Language Writing in Academic Context*, Alex Publishing Corporation, New Jersey, USA (pp. 5-15).
- 2 Hughes, A. (1989), *Testing for Language Teachers*, Cambridge University Press, UK.
- 3 Weir, C. J. (1900), *Communicative Language Testing*, Prentice Hall, UK.

Phụ lục 1

SAMPLE TEST FORMAT

1. Paper 1: READING

- | | |
|---|----------------------|
| a. Section A - Multiple Choice Questions | 15 items - 15 points |
| b. Section B - Reading Comprehension | |
| Part 1. Answer questions | 5 items- 10 points |
| Part 2. True, False or No Information | 5 items- 10 points |
| Part 3. Find the words with similar meanings | 5 items- 10 points |
| c. Section C - Error Identification | 10 items- 10 points |
| d. Section D -Gap-filling | 10 items - 20 points |

2. Paper 2 - WRITING

- | | |
|---|--------------------|
| a. Section A - Sentence Building | 5 items- 10 points |
| b. Section B - Sentence Transformation | 5 items- 10 points |
| c. Section B - Paragraph Writing | 80 words- 5 points |

Total: 60 items plus writing a paragraph - 100 points (mark 10)

NEW TEST FORMAT

- 1. Paper 1: Vocabulary and Grammar**
 - a. Section A - Multiple Choice Questions** 10 items - 10 points
 - b. Section B - Sentence Building** 5 items- 10 points
 - c. Section C - Error Identification** 5 items- 10 points
- 2. Paper 2- Reading**
 - a. Section A - Reading Comprehension**

Micro reading skills:

 - a1. - Scanning or skimming 5 items - 10 points
 - a2. - Identifying examples presented
in support of an argument
 - a3. - Guessing the meaning of unknown words
from the context 5 items - 10 points
 - a4. - Reading carefully for important details or
ideas/ Detailed reading 5 items - 10 points
 - a5. - Inferencing skill (True, False or NI)
 - b. Section B - Gap - filling** 10 items - 10 points
- 3. Paper 3 - Writing**
 - a. Section A - Sentence Rewriting** 5 items - 10 points
 - b. Section B - Paragraph Writing** 120-150 words - 20 points

Total: 50 items plus writing a paragraph - 100 points